

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2025/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT**Về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị
giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 -2030;

Xét Tờ trình số 2226/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030.

(Có Quy định chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày thông qua. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực: Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để thu hút, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, tăng cường phân cấp, phân quyền, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các đơn vị và địa phương cấp xã, xoá bỏ cơ chế xin - cho.

2. Quy định này là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh, các xã, phường, đặc khu và các ngành, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước; phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương để phục vụ thực hiện các mục tiêu, định hướng Quy hoạch tỉnh Quảng Trị, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030; phù hợp với Kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch vay, trả nợ 05 năm, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tập trung, không dàn trải, manh mún; phù hợp theo ngành, lĩnh vực, địa phương quy định của pháp luật về đầu tư công; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư. Chi giao kế hoạch vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản quy định hiện hành. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo chủ trương đầu tư được duyệt hoặc cam kết đối với chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

5. Phân bổ vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án quan trọng, dự án kết nối, có tác động liên tỉnh, liên xã, phường, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; các dự án hạ tầng kỹ thuật tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh. Bố trí vốn cho lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và lĩnh vực giáo dục, đào tạo, lĩnh vực y tế đảm bảo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

6. Bảo đảm tương quan hợp lý giữa các địa phương, các địa bàn kinh tế trọng điểm; ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hải đảo và các vùng khó khăn để hướng tới mục tiêu phát triển đồng đều giữa các vùng,

thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh. Bảo đảm mối tương quan hợp lý giữa đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng;

7. Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách; các chính sách hỗ trợ đầu tư, phương thức xử lý cân đối ngân sách các cấp và xử lý các dự án chuyển tiếp giai đoạn của 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 đúng quy định, phù hợp với thực tế tại địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo chủ trương đầu tư được duyệt hoặc cam kết đối với chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

8. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có) báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép ưu tiên bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương theo quy định.

9. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

- a) Dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp;
- b) Dự án quan trọng của tỉnh;
- c) Hoàn trả vốn ứng trước;
- d) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- đ) Vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; đối ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; đối ứng các dự án cam kết với Trung ương; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư;
- e) Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;
- g) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035);

h) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);

i) Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp các cấp; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

k) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối

1. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên khu vực. Đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; bảo đảm không dàn trải, manh mún, cân đối giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương.

2. Nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh: Phân bổ cho các dự án quan trọng liên vùng, liên xã, có tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các dự án thuộc ngành, lĩnh vực quy định do cấp tỉnh quản lý; các dự án chuyển tiếp thuộc trách nhiệm của cấp huyện (cũ) được hợp nhất vào kế hoạch cấp tỉnh khi thực hiện chính quyền 02 cấp và hỗ trợ các dự án cần thiết, quan trọng, tạo động lực phát triển thuộc nhiệm vụ chi đầu tư cấp xã, trong đó ưu tiên thực hiện một số dự án cần thiết cấp bách, quan trọng, tạo động lực phát triển tại các địa bàn có đóng góp tích cực vào thu ngân sách nhà nước, địa bàn chịu ảnh hưởng trực tiếp về môi trường do khai thác khoáng sản, đầu tư nhà máy nhiệt điện, điện gió.

3. Nhiệm vụ chi đầu tư cấp xã: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thực hiện phân bổ chi tiết cho các đối tượng thuộc các ngành, lĩnh vực quy định theo nhiệm vụ được phân cấp quản lý.

4. Thực hiện phân bổ đầu tư phân cấp quản lý theo tỷ lệ: cấp tỉnh quản lý 75% và cấp xã quản lý 25%.

5. Mức vốn phân bổ cho các địa phương cấp xã trên cơ sở tính điểm của các tiêu chí quy định tại Điều 8 của Quy định này.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

1. Nguồn thu tiền sử dụng đất được phân chia theo tỷ lệ (%) cấp tỉnh và cấp xã do Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

2. Đối với phần thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh: Cấp tỉnh chịu trách nhiệm bố trí cho các dự án quan trọng cấp tỉnh, dự án hạ tầng giao thông, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng du lịch và thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh.

3. Đối với phần thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp xã: Cấp xã chịu trách nhiệm bố trí vốn cụ thể cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án đúng quy định pháp luật thuộc các ngành, lĩnh vực theo quy định trên địa bàn xã, phường, đặc khu do cấp xã quyết định.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết

1. Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan về phân bổ và sử dụng nguồn thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết và các văn bản quy định hiện hành.

2. Tỷ lệ phân chia: Phân bổ cho cấp tỉnh 100%.

3. Ưu tiên đầu tư nguồn vốn này cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp; y tế công lập, xây dựng nông thôn mới. Sau khi bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

Điều 7. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư từ các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi (nếu có)

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước, hướng dẫn của các bộ, ngành có liên quan về phân bổ và sử dụng nguồn thu từ các nguồn tăng thu, dự toán chi và các văn bản quy định hiện hành.

2. Bố trí cho các nhiệm vụ chi đầu tư của từng cấp ngân sách.

Điều 8. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương cân đối phân cấp cho cấp xã quản lý

1. Việc phân bổ vốn đầu tư cho cấp xã trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

a) Tiêu chí dân số: Dân số trung bình; Số người dân tộc thiểu số của các địa phương.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, Số thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết), Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã.

c) Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên, Diện tích đất trồng lúa, Tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính: số xã biên giới đất liền, biên giới biển; số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

đ) Các tiêu chí bổ sung: Xã ATK, đặc khu Côn Cỏ; số phường thành lập từ các phường của thành phố cũ; số phường thành lập từ các phường của thị xã cũ.

Tổng số điểm của từng đơn vị cấp xã là tổng cộng điểm được xác định theo các nhóm tiêu chí dân số, trình độ phát triển, diện tích, đơn vị hành chính, tiêu chí bổ sung đối với từng đơn vị cấp xã nêu trên.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí:

a) *Tiêu chí dân số*: Cách tính cụ thể như sau:

- *Điểm của tiêu chí dân số trung bình*

Dân số trung bình	Điểm
Đến 20.000 người được tính	10
Trên 20.000 người, từ 0 đến 20.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 5.000 người được tính thêm	0,5

Dân số trung bình để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Thống kê tỉnh cung cấp.

- *Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số*

Số dân	Điểm
Cứ 1.000 người dân tộc thiểu số được tính	0,5

Số người dân tộc thiểu số để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp

b) *Tiêu chí về trình độ phát triển*: Cách tính như sau:

- *Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều*

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo đa chiều được tính	0,1

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

- *Điểm tiêu chí thu nội địa*:

Thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất và xử số kiến thiết)	Điểm
Đến 50 tỷ đồng được tính	4

Trên 50 tỷ đồng đến 75 tỷ đồng được tính	3
Trên 75 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng được tính	2
Trên 100 tỷ đồng được tính	1

Số thu nội địa (không bao gồm khoản thu từ sử dụng đất và xổ số kiến thiết) để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Tài chính cung cấp.

- *Điểm tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã:*

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã	Điểm
Từ 0% đến 10% được tính	10
Từ 10% đến 30%, từ 0% đến 10% được tính 10 điểm, phần còn lại cứ tăng 2% được tính thêm	0,5
Từ 30% đến 50%, từ 0% đến 30% được tính 15 điểm, phần còn lại cứ tăng 2% được tính thêm	0,1
Từ 50% trở lên, từ 0% đến 50% được tính 16 điểm, phần còn lại cứ tăng 2% được tính thêm	0,05

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Tài chính cung cấp.

c) *Tiêu chí diện tích:* Cách tính như sau:

- *Diện tích tự nhiên*

Diện tích tự nhiên	Điểm
Đến 50 km ² được tính	5,0
Trên 50 km ² đến 100 km ² , từ 0 km ² đến 50 km ² được tính là 5 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 10 km ² được tính thêm	0,5
Trên 100 km ² đến 150 km ² , từ 0 km ² đến 100 km ² được tính là 7,5 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 10 km ² được tính thêm	0,1
Trên 150 km ² , từ 0 km ² đến 150 km ² được tính là 8 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 10 km ² được tính thêm	0,05

Diện tích đất tự nhiên để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Thống kê tỉnh cung cấp

- *Diện tích đất trồng lúa*

Diện tích đất trồng lúa	Điểm
Đến 5 km ² được tính	5,0
Trên 5 km ² đến 10 km ² , từ 0 km ² đến 5 km ² được tính là 5 điểm,	0,5

phần còn lại cứ tăng thêm 1 km ² được tính thêm	
Trên 10 km ² đến 15 km ² , từ 0 km ² đến 10 km ² được tính là 7,5 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 1 km ² được tính thêm	0,1
Trên 15 km ² , từ 0 km ² đến 15 km ² được tính là 8 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 1 km ² được tính thêm	0,05

Diện tích đất trồng lúa để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp

- Tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương

Tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương	Điểm
Đến 10% được tính	1,0
Trên 10% đến 50% được tính	1,5
Trên 50% được tính	2,0

Tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp

d) Tiêu chí đơn vị hành chính: Cách tính như sau

Đơn vị hành chính	Điểm
Cứ 01 xã biên giới đất liền, biên giới biển được tính	3
Cứ 01 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3

Số liệu xã biên giới đất liền, biên giới biển; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Ngoại vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp.

đ) Tiêu chí bổ sung:

Địa phương	Điểm
Cứ 01 xã ATK, đặc khu được tính	10
Cứ 01 phường thành lập từ các phường của thành phố cũ được tính	10
Cứ 01 phường thành lập từ các phường, xã của thị xã cũ được tính	5

3. Xác định mức vốn đầu tư trong cân đối của các xã, phường, đặc khu

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng xã, phường, đặc khu và tổng số điểm của tất cả các xã, phường, đặc khu làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo công thức sau:

Gọi: - VĐT là tổng vốn đầu tư giao cho các xã, phường, đặc khu.

- Đ là tổng điểm của tất cả các xã, phường, đặc khu.

- Đn là tổng điểm của 1 đơn vị xã, phường, đặc khu.
- Vn là vốn phân bổ cho 1 xã, phường, đặc khu tương ứng với Đn.

Như vậy vốn phân bổ cho 1 đơn vị xã, phường, đặc khu được tính theo công thức như sau:

$$V_n = \frac{VDT}{Đ} \times Đn$$

Trên đây là quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030./.